

UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SYT-VP

Ninh Thuận, ngày tháng năm 2025

V/v nội dung cụ thể giải quyết TTHC lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng giải quyết của UBND các huyện, thành phố.

Kính gửi: UBND các huyện, thành phố.

Thực hiện Quyết định số 1558/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận và Quyết định số 1626/QĐ-UBND ngày 04/12/2024 của UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Ngày 12/12/2024, Sở Y tế có Công văn số 5789/SYT-VP gửi UBND huyện, thành phố góp ý nội dung cụ thể giải quyết TTHC lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng giải quyết của UBND các huyện, thành phố. Đến nay, các huyện, tp đã góp ý và thống nhất với nội dung dự thảo của Sở Y tế. Để thống nhất trong giải quyết thủ tục hành chính, Sở Y tế gửi nội dung cụ thể giải quyết TTHC lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng đối với thủ tục “Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo phân cấp”.

Đề nghị UBND huyện, thành phố quan tâm phối hợp thực hiện, chỉ đạo các phòng, ban liên quan niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND huyện, thành phố, đồng thời triển khai thực hiện thủ tục hành chính theo quy định.

(Kèm theo nội dung cụ thể giải quyết thủ tục hành chính)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Chi cục ATVSTP;
- Website Sở Y tế;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Bùi Văn Kỳ

Phụ lục**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND HUYỆN, THÀNH PHỐ
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH THUẬN**

(Kèm theo Công văn số _____ /SYT-VP ngày _____ /01/2025 của Sở Y tế)

Thủ tục Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân huyện, thành phố theo phân cấp

A. Trường hợp 1: Nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận**1. Trình tự thực hiện**

1.1. Bước 1: Tổ chức, cá nhân đăng ký, đăng nhập, tạo và gửi hồ sơ trực tuyến trên cổng dichvucong.ninhthuan.gov.vn.

1.2. Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng nhập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và kiểm tra hồ sơ điện tử tổ chức, cá nhân gửi đến.

- Sau khi kiểm tra, nếu đảm bảo đầy đủ các thành phần hồ sơ thực hiện tiếp nhận, cấp mã hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng, Ban chuyên môn trong thời gian 0,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

- Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, đúng quy định, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thông báo, hướng dẫn cho tổ chức, cá nhân biết thông qua tài khoản của tổ chức, cá nhân trên Cổng dịch vụ công.

Thanh toán phí: Tổ chức, cá nhân thanh toán phí thẩm định trực tiếp hoặc thanh toán trực tuyến tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả ngay sau khi nộp hồ sơ thành công.

1.3. Bước 3: Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ

Phòng, Ban chuyên môn xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ, dự thảo văn bản xử lý hồ sơ trong thời gian 09 ngày làm việc, cụ thể như sau:

a) Trường hợp hồ sơ chưa đạt và có yêu cầu cơ sở cần sửa đổi, bổ sung hồ sơ: Phòng, Ban chuyên môn xem xét, thẩm tra hồ sơ và tham mưu thông báo kết quả soát xét hồ sơ chưa đạt yêu cầu và trình lãnh đạo UBND trong thời gian 02 ngày làm việc.

Nếu quá thời gian 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ mới để được cấp Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu.

b) Trường hợp hồ sơ đạt: Phòng, Ban chuyên môn xem xét, thẩm tra hồ sơ và tham mưu tổ chức thẩm định trong thời gian 03 ngày làm việc.

Đoàn thẩm định thông báo cơ sở thời gian thẩm định và tiến hành thẩm định thực tế tại cơ sở trong thời gian 05 ngày làm việc. Có 3 trường hợp:

- Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở đạt yêu cầu, Phòng, Ban chuyên môn tham mưu trình lãnh đạo cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP trong thời gian 01 ngày làm việc.

- Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở không đạt yêu cầu, Đoàn thẩm định ghi vào biên bản thẩm định; Phòng, Ban chuyên môn cập nhật biên bản thẩm định/thông báo trên Hệ thống, đồng thời tham mưu thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận trong thời gian 01 ngày làm việc.

- Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở còn tồn tại một số nội dung chưa đạt yêu cầu và Đoàn Thẩm định có thể cho cơ sở khắc phục, Đoàn Thẩm định ghi vào biên bản thẩm định các nội dung cần khắc phục (thời gian khắc phục không quá 30 ngày theo quy định tại điểm đ, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế). Phòng, Ban chuyên môn tham mưu văn bản thông báo nội dung cần khắc phục theo biên bản thẩm định và cập nhật trên Hệ thống trong thời gian 01 ngày làm việc. Cơ sở sau khi khắc phục xong, gửi báo cáo khắc phục tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả và tiếp tục thực hiện theo quy trình tại Trường hợp 2.

1.4. Bước 4: Xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC

Lãnh đạo UBND xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC trong thời gian 1,5 ngày làm việc và chuyển đến Phòng, Ban chuyên môn.

1.5. Bước 5: Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Phòng, Ban chuyên môn cập nhật kết quả xử lý hồ sơ trên Hệ thống, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trong thời gian 01 ngày làm việc.

1.6. Bước 6: Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân.

* Ghi chú: Trường hợp thay đổi tên của cơ sở hoặc đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến UBND huyện, thành phố.

2. Thời hạn giải quyết TTHC

Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ.

3. Cách thức thực hiện

Qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hoặc đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Phòng, Ban chuyên môn.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ

4.1. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (Theo Mẫu số 01 Nghị định 155/2018/NĐ-CP).

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở).

- Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Giấy xác nhận đủ sức khỏe chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.

- Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức ATTP có xác nhận của chủ cơ sở.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại Phụ lục II danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ) do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trừ các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế); Các cơ sở dịch vụ ăn uống do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các cơ sở thực phẩm khác không được quy định tại phân công, phân cấp của ngành Công Thương, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn, các cơ sở thực phẩm theo ủy quyền của cấp tỉnh (trừ trường hợp các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP quy định tại khoản 1 điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm/Thông báo.

8. Mức phí thẩm định

8.1. Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm:

Phí thẩm định cơ sở sản xuất thực phẩm (trừ cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe):

+ Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ: 500.000 đồng/lần/cơ sở.

+ Đối với cơ sở sản xuất khác (bao gồm cả cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh): 2.500.000 đồng/lần/cơ sở.

8.2. Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống:

- Phục vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng/lần/cơ sở.

- Phục vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng/lần/cơ sở.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

9.1. Mẫu số 01: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

9.2. Mẫu số 02: Biên bản thẩm định điều kiện ATTP cơ sở.

9.3. Mẫu số 03: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

10.1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế

- Tuân thủ các quy định tại Điều 19, 20, 21, 22, 25, 26 và Điều 27 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

+ Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng;

+ Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho sản phẩm không thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc;

+ Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dễ làm vệ sinh, không thôi nhiễm chất độc hại và không gây ô nhiễm đối với thực phẩm;

+ Có ủng hoặc giày, dép để sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm;

+ Bảo đảm không có côn trùng và động vật gây hại xâm nhập vào khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; không sử dụng hoá chất diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại trong khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm;

+ Không bày bán hoá chất dùng cho mục đích khác trong cơ sở kinh doanh phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

- Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

10.2. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

- Tuân thủ các quy định tại Điều 28, 29 và Điều 30 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

+ Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

+ Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm;

- Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm."

10.3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm

- Đáp ứng các quy định chung về điều kiện bảo đảm ATTP được quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21 Luật an toàn thực phẩm.

- Chỉ được phối trộn các phụ gia thực phẩm khi các phụ gia thực phẩm đó thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định và sản phẩm cuối cùng của sự phối trộn không gây ra bất cứ tác hại nào với sức khỏe con người; trường hợp tạo ra một sản phẩm mới, có công dụng mới phải chứng minh công dụng, đối tượng sử dụng và mức sử dụng tối đa.

- Việc sang chia, san, chiết phụ gia thực phẩm phải được thực hiện tại cơ sở đủ điều kiện ATTP và ghi nhãn theo quy định hiện hành.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế;

- Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý ATTP thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

Mẫu số 1

(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm

Kính gửi:.....

Họ và tên chủ cơ sở:

Tên cơ sở sản xuất đề nghị cấp Giấy chứng nhận:

Địa chỉ cơ sở sản xuất:

.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Đề nghị được cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm
cho sản xuất (loại thực phẩm và dạng sản phẩm...):

.....

CHỦ CƠ SỞ
(Ký & ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN

Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở

Thực hiện Quyết định số, ngày.....tháng.....năm.....của...

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm, Đoàn thẩm định gồm có:

- 1..... Trưởng đoàn
- 2..... Thư ký
- 3.....Thành viên
- 4.....Thành viên
- 5.....Thành viên

tiến hành thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở:

.....

Địa chỉ:

.....

Điện thoại..... Fax:

Đại diện cơ sở: 1.

2.

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. KIỂM TRA HỒ SƠ GỐC:

- 1. Thông tin về Giấy chứng nhận kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp.
- 2. Hồ sơ nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, nguồn nước sản xuất.
- 3. Hồ sơ xác nhận sức khỏe, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ VỀ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM:

- 1. Địa điểm, diện tích cơ sở, khu vực sản xuất/chế biến.
- 2. Thiết kế, kết cấu nhà xưởng sản xuất/chế biến, kho, nhà vệ sinh, nơi thay đồ bảo hộ lao động, cống rãnh thoát nước, nơi thu gom, xử lý chất thải.

3. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển, phòng chống côn trùng và động vật gây hại.

4. Nguồn nước sản xuất, chế biến thực phẩm/thức ăn.

5. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và bao bì/dụng cụ chứa đựng thực phẩm/thức ăn.

6. Sức khỏe/bệnh truyền nhiễm cấp tính của người sản xuất/chế biến

7. Các nội dung khác có liên quan.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN:

1. Đánh giá việc đáp ứng của cơ sở đối với các yêu cầu điều kiện an toàn thực phẩm (Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, nguyên liệu, nguồn nước, thực hành vệ sinh...):

2. Tồn tại và biện pháp giải quyết:

3. Kết luận :

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Thời hạn hoàn thiện ngày kể từ ngày thẩm định.

4. Ý kiến của cơ sở được thẩm định:

Biên bản kết thúc hội:giờ ngày tháng..... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Một bản do cơ quan thẩm định giữ và một bản do chủ cơ sở giữ.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

V. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẮC PHỤC (ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỜ HOÀN THIỆN)

Đạt

Không đạt

Lý do không đạt:

....., ngày tháng năm 20

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

B. Trường hợp 2: Nộp báo cáo khắc phục (đối với trường hợp cơ sở đã thẩm định chưa đạt và có thể cho khắc phục)

1. Trình tự thực hiện

1.1. Bước 1: Tổ chức, cá nhân đăng nhập, tạo và gửi báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở trực tuyến trên cổng dichvucong.ninhthuan.gov.vn

1.2. Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng nhập Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, tiếp nhận báo cáo khắc phục của tổ chức, cá nhân; cấp mã số hồ sơ và chuyển hồ sơ đến Phòng, Ban chuyên môn trong thời gian 0,5 ngày làm việc.

1.3. Bước 3: Xem xét, đánh giá kết quả khắc phục và dự thảo văn bản xử lý hồ sơ

Phòng, Ban chuyên môn xem xét, đánh giá kết quả khắc phục và dự thảo văn bản xử lý hồ sơ trong thời gian 5,5 ngày làm việc, trong đó:

- Đoàn thẩm định xem xét, đánh giá kết quả khắc phục của cơ sở và ghi kết luận vào biên bản thẩm định trong thời gian 4,5 ngày làm việc.

- Trong thời gian 01 ngày làm việc, Phòng, Ban chuyên môn tham mưu:

- + Nếu kết quả khắc phục đạt yêu cầu, tham mưu Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện và trình lãnh đạo.

- + Nếu kết quả khắc phục không đạt yêu cầu, cập nhật biên bản thẩm định/thông báo trên Hệ thống, đồng thời tham mưu thông báo kết quả thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu bằng văn bản cho cơ sở và cho cơ quan quản lý địa phương.

1.4. Bước 4: Xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC

Lãnh đạo UBND xem xét, ký duyệt kết quả giải quyết TTHC trong thời gian 1,5 ngày làm việc và chuyển đến Phòng, Ban chuyên môn.

1.5. Bước 5: Chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả

Phòng, Ban chuyên môn cập nhật kết quả xử lý hồ sơ trên Hệ thống, chuyển kết quả cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trong thời gian 01 ngày làm việc.

1.6. Bước 6: Trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân

Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân ngay khi nhận kết quả giải quyết.

* Ghi chú: Trường hợp thay đổi tên của cơ sở hoặc đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể hiện sự thay đổi đó đến UBND huyện, thành phố.

2. Thời hạn giải quyết TTHC

Thời hạn giải quyết: 8,5 ngày làm việc, kể từ khi nhận báo cáo khắc phục.

3. Cách thức thực hiện

Qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh hoặc đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND huyện, thành phố.

4. Thành phần, số lượng

4.1. Thành phần: Báo cáo khắc phục các nội dung cần khắc phục sau khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm lần đầu không đạt của cơ sở.

4.2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được quy định tại Phụ lục II danh mục các sản phẩm/nhóm sản phẩm, hàng hóa thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế (ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ) do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (trừ các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Cục An toàn thực phẩm, Bộ Y tế); Các cơ sở dịch vụ ăn uống do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các cơ sở thực phẩm khác không được quy định tại phân công, phân cấp của ngành Công Thương, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn, các cơ sở thực phẩm theo ủy quyền của cấp tỉnh (trừ trường hợp các cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP quy định tại khoản 1 điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ).

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân huyện, thành phố.

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm/Thông báo.

8. Mức phí: không thu phí.

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

9.1. Mẫu số 01: Báo cáo khắc phục các nội dung cần khắc phục sau khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm.

9.2. Mẫu số 02: Biên bản thẩm định điều kiện ATTP cơ sở.

9.3. Mẫu số 03: Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

10.1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế

- Tuân thủ các quy định tại Điều 19, 20, 21, 22, 25, 26 và Điều 27 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

+ Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng;

+ Tường, trần, nền nhà khu vực sản xuất, kinh doanh, kho sản phẩm không thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc;

+ Trang thiết bị, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm dễ làm vệ sinh, không thôi nhiễm chất độc hại và không gây ô nhiễm đối với thực phẩm;

+ Có ủng hoặc giày, dép để sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm;

+ Bảo đảm không có côn trùng và động vật gây hại xâm nhập vào khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm; không sử dụng hoá chất diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại trong khu vực sản xuất và kho chứa thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm;

+ Không bày bán hoá chất dùng cho mục đích khác trong cơ sở kinh doanh phụ gia, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

- Người trực tiếp sản xuất, kinh doanh phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

- Đối với cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm.

10.2. Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống

- Tuân thủ các quy định tại Điều 28, 29 và Điều 30 Luật an toàn thực phẩm và các yêu cầu cụ thể sau:

+ Thực hiện kiểm thực ba bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế;

+ Thiết bị, phương tiện vận chuyển, bảo quản thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh và không gây ô nhiễm cho thực phẩm;

- Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức ATTP và được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm".

10.3. Cơ sở sản xuất, kinh doanh phụ gia thực phẩm

- Đáp ứng các quy định chung về điều kiện bảo đảm ATTP được quy định tại khoản 1 Điều 19, khoản 1 Điều 20, khoản 1 Điều 21 Luật an toàn thực phẩm.

- Chỉ được phối trộn các phụ gia thực phẩm khi các phụ gia thực phẩm đó thuộc danh mục các chất phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm do Bộ Y tế quy định và sản phẩm cuối cùng của sự phối trộn không gây ra bất cứ tác hại nào với sức khỏe con người; trường hợp tạo ra một sản phẩm mới, có công dụng mới phải chứng minh công dụng, đối tượng sử dụng và mức sử dụng tối đa.

- Việc sang chia, san, chiết phụ gia thực phẩm phải được thực hiện tại cơ sở đủ điều kiện ATTP và ghi nhãn theo quy định hiện hành.

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010;

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

- Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế;

- Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 26/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý ATTP thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Thông tư số 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm.

TÊN CƠ SỞ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:

Ninh Thuận, ngàytháng..... năm 202..

BÁO CÁO

**V/v khắc phục các nội dung cần khắc phục sau khi
thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân

Căn cứ Thông báo số....., ngày.....của UBND.....về nội dung cần khắc phục sau khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm.

Tên cơ sở:.....

Địa chỉ:

Kính báo cáo như sau:

Ngày, Đoàn thẩm định có thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm thực tế tại

Tuy nhiên, Đoàn thẩm định đánh giá và kết luận cơ sở chưa đạt yêu cầu điều kiện an toàn thực phẩm và có thể khắc phục các nội dung còn tồn tại như sau:

.....
.....

Trong thời gian qua, cơ sở đã khắc phục sửa chữa những tồn tại trên, gồm:

.....
.....

Trên đây là báo cáo khắc phục của cơ sở, kính trình UBND.....xem xét và cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình sản xuất, chế biến của cơ sở.

Trân trọng cảm ơn!

CHỦ CƠ SỞ
(Ký tên và đóng dấu)

Mẫu số 02
(Ban hành kèm theo Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN
Thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm cơ sở

Thực hiện Quyết định số, ngày.....tháng.....năm.....của...

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm, Đoàn thẩm định gồm có:

- 1..... Trưởng đoàn
- 2..... Thư ký
- 3.....Thành viên
- 4.....Thành viên
- 5.....Thành viên

tiến hành thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm tại cơ sở:

.....

Điện thoại..... Fax:

Đại diện cơ sở: 1.....

2

KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

I. KIỂM TRA HỒ SƠ GỐC:

1. Thông tin về Giấy chứng nhận kinh doanh/Giấy đăng ký doanh nghiệp.
2. Hồ sơ nguyên liệu, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến, nguồn nước sản xuất.
3. Hồ sơ xác nhận sức khỏe, tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất.

II. KIỂM TRA THỰC TẾ VỀ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM:

1. Địa điểm, diện tích cơ sở, khu vực sản xuất/chế biến.
2. Thiết kế, kết cấu nhà xưởng sản xuất/chế biến, kho, nhà vệ sinh, nơi thay đồ bảo hộ lao động, cống rãnh thoát nước, nơi thu gom, xử lý chất thải.
3. Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến, bao gói, bảo quản, vận chuyển, phòng chống côn trùng và động vật gây hại.
4. Nguồn nước sản xuất, chế biến thực phẩm/thức ăn.

5. Nguyên liệu thực phẩm, phụ gia, chất hỗ trợ chế biến và bao bì/dụng cụ chứa đựng thực phẩm/thức ăn.

6. Sức khỏe/bệnh truyền nhiễm cấp tính của người sản xuất/chế biến

7. Các nội dung khác có liên quan.

III. ĐÁNH GIÁ VÀ KẾT LUẬN:

1. Đánh giá việc đáp ứng của cơ sở đối với các yêu cầu điều kiện an toàn thực phẩm (Điều kiện về địa điểm, cơ sở vật chất, trang thiết bị dụng cụ, nguyên liệu, nguồn nước, thực hành vệ sinh...):

.....

2. Tồn tại và biện pháp giải quyết:

.....

.....

3. Kết luận :

Đạt

Không đạt

Chờ hoàn thiện

Thời hạn hoàn thiện ngày kể từ ngày thẩm định.

4. Ý kiến của cơ sở được thẩm định:

Biên bản kết thúc hội:giờ ngày tháng..... năm và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau. Một bản do cơ quan thẩm định giữ và một bản do chủ cơ sở giữ.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

IV. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KHẮC PHỤC (ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP CHỜ HOÀN THIỆN)

Đạt

Không đạt

Lý do không đạt:

....., ngày tháng năm 20

TRƯỞNG ĐOÀN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên)

